

Số: 86/2026/QĐ-UBND

Lai Châu, ngày 30 tháng 9 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 103/2025/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về phân cấp thẩm quyền quyết định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số 15/2017/QH14, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 64/2020/QH14, Luật số 07/2022/QH15, Luật số 24/2023/QH15, Luật số 31/2024/QH15, Luật số 56/2024/QH15 và Luật số 90/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 15/2025/QĐ-TTg ngày 14 tháng 6 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị, được sửa đổi, bổ sung bởi Quyết định số 10/2026/QĐ-TTg ngày 09 tháng 3 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính;

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 103/2025/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về phân cấp thẩm quyền quyết định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu.

Điều 1. Bổ sung một số điều của Quyết định số 103/2025/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Bổ sung một số điểm của khoản 1 Điều 1 như sau:

a) Bổ sung điểm d sau điểm c như sau:

“d) Máy móc, thiết bị đầu cuối cơ bản phục vụ công việc thường xuyên trên môi trường số.”

b) Bổ sung điểm đ sau điểm d như sau:

“đ) Máy móc, thiết bị phục vụ công tác bí mật nhà nước trên môi trường số.”

2. Bổ sung Điều 3a vào sau Điều 3 như sau:

“Điều 3a. Phân cấp thẩm quyền quyết định số lượng và mức giá sử dụng máy móc, thiết bị đầu cuối cơ bản phục vụ công việc thường xuyên trên môi trường số quy định tại Mục C Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 10/2026/QĐ-TTg ngày 09 tháng 3 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 15/2025/QĐ-TTg ngày 14 tháng 6 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị

1. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh là đơn vị dự toán cấp I quyết định số lượng và mức giá máy móc, thiết bị đầu cuối cơ bản phục vụ công việc thường xuyên trên môi trường số tại đơn vị mình và các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định số lượng và mức giá máy móc, thiết bị đầu cuối cơ bản phục vụ công việc thường xuyên trên môi trường số đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cấp xã quản lý.

3. Việc quyết định số lượng và mức giá máy móc, thiết bị quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này phải phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, tính chất công việc, nhu cầu sử dụng, khả năng nguồn kinh phí được phép sử dụng, mức giá phù hợp với giá mua trên thị trường của chủng loại máy móc, thiết bị tương ứng và hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ về yêu cầu kỹ thuật cơ bản, cấu hình tối thiểu của máy móc, thiết bị”.

3. Bổ sung Điều 5a vào sau Điều 5 như sau:

“Điều 5a. Phân cấp thẩm quyền quyết định số lượng và mức giá sử dụng máy móc, thiết bị phục vụ công tác bí mật nhà nước trên môi trường số

1. Cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh là đơn vị dự toán cấp I và Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã căn cứ khối lượng, tính chất của công việc chứa bí mật nhà nước quyết định số lượng máy móc, thiết bị trang bị quy định tại Mục D

Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 10/2026/QĐ-TTg trang bị cho các chức danh mà theo chức năng, nhiệm vụ được giao phải thường xuyên xử lý công việc có nội dung thuộc phạm vi bí mật nhà nước để phục vụ công tác bảo vệ bí mật nhà nước tại đơn vị mình và các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

2. Đối với các trường hợp còn lại, căn cứ chức năng, nhiệm vụ, tính chất, mức độ bí mật của công việc theo quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước, nhu cầu sử dụng, cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh là đơn vị dự toán cấp I và Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định số lượng máy móc, thiết bị quy định tại Mục D Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 10/2026/QĐ-TTg cho các chức danh hoặc tại phòng làm việc của các đơn vị thuộc phạm vi quản lý để phục vụ công tác bảo vệ bí mật nhà nước.

3. Cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh là đơn vị dự toán cấp I và Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định mức giá trong trường hợp chủ trì triển khai xử lý hồ sơ công việc chứa bí mật nhà nước trên môi trường số yêu cầu trang bị máy móc, thiết bị (từ số thứ tự 1 đến số thứ tự 6) có yêu cầu về tính năng, dung lượng, cấu hình mà có mức giá cao hơn mức giá tại Mục A, B Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 10/2026/QĐ-TTg và trường hợp trang bị máy móc, thiết bị tại số thứ tự 7, số thứ tự 8 Mục D Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 10/2026/QĐ-TTg, phù hợp với giá mua trên thị trường của chủng loại máy móc, thiết bị tương ứng đối với đơn vị mình và các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.”.

Điều 2. Bổ sung, thay thế một số cụm từ của Quyết định số 103/2025/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Bổ sung cụm từ “được sửa đổi, bổ sung bởi Quyết định số 10/2026/QĐ-TTg” vào sau cụm từ “Quyết định số 15/2025/QĐ-TTg ngày 14 tháng 6 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ” tại khoản 2 Điều 1.

2. Thay thế cụm từ “Mục A Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định số 15/2025/QĐ-TTg” bằng cụm từ “Mục A Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 10/2026/QĐ-TTg” tại Điều 3, tên Điều 4.

Điều 3. Hiệu lực thi hành và trách nhiệm tổ chức thực hiện

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 10 năm 2026.

2. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật trích dẫn tại Quyết định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản quy phạm pháp luật khác thì áp dụng quy định tại văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Tài chính (b/c);
- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Cục KTVB&TCTHPL - Bộ Tư pháp;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Các Sở: Tài chính, Tư pháp;
- VP UBND tỉnh: V;
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, KTN, Quynh.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Sỹ Cảnh